TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THƯỜNG TÍN** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 27/2023/QĐST-DS	*T, ngày 07 tháng 8 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212; Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Biên bản hòa giải thành ngày 28 tháng 7 năm 2023 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 44/2023/TLST-DS ngày 19 tháng 5 năm 2023 về việc "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*";

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội;

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Q

Trụ sở tại: Tầng 1, Tòa nhà S - số phường B, Quận , Thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật: Ông H, chức vụ: Tổng Giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: Ông T, chức vụ: Giám đốc THN trực tiếp và XLN TTQLN NHBL2 - VIB. *(theo Giấy ủy quyền số 107083.22 ngày 03/10/2022).*

Người được ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Đào Huy H, chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ Ngân hàng TMCP Q. *(theo Giấy ủy quyền số 018677.23 ngày 24/02/2023).*

***Bị đơn*:** Ông Lê Văn T, sinh năm 1982 và vợ là bà Trần Thị T, sinh năm 1986.

Cùng trú tại: Thôn P, xã T, huyện T, Thành phố H.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Ông Lê Văn T và bà Trần Thị T, xác nhận tính đến hết ngày 28/7/2023 còn nợ Ngân hàng TMCP Q tổng số tiền là **1.508.721.333** đồng *(Một tỷ, năm trăm linh tám triệu, bảy trăm hai mươi mốt nghìn, ba trăm ba mươi ba đồng)* gồm nợ gốc là 1.252.525.179 đồng; Nợ lãi trong hạn là 92.857.504 đồng và nợ lãi quá hạn là 163.338.650 đồng (Trong đó cụ thể gồm: Hợp đồng tín dụng số 7088431.21 ngày 15/11/2021 số nợ gốc là 1.086.678.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 65.304.532 đồng, nợ

lãi quá hạn là 91.910.031 đồng; Hợp đồng tín dụng số 6016203.21 ngày 13/5/2021 số nợ gốc là 82.481.724 đồng, nợ lãi trong hạn là 4.101.928 đồng, nợ lãi quá hạn là 7.518.976 đồng; Thẻ tín dụng gồm nợ gốc là 83.365.455 đồng, nợ lãi trong hạn là 23.451.044 đồng, nợ lãi quá hạn là 63.909.643 đồng)

2.2. Ông Lê Văn T và bà Trần Thị T đồng ý thanh toán trả Ngân hàng TMCP Q toàn bộ số tiền là **1.508.721.333** đồng *(Một tỷ, năm trăm linh tám triệu, bảy trăm hai mươi mốt nghìn, ba trăm ba mươi ba đồng)*

Kể từ ngày 29/7/2023, ông Lê Văn T và bà Trần Thị T còn phải chịu khoản tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất nợ quá hạn tại các Hợp đồng tín dụng số 7088431.21 ngày 15/11/2021; Hợp đồng tín dụng số 6016203.21 ngày 13/5/2021 và Thẻ tín dụng quốc tế phát hành ngày 13/5/2021 đã ký giữa Ngân hàng TMCP Q và ông Lê Văn T, bà Trần Thị T đối với số tiền chưa thanh toán đến thời điểm thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

Trường hợp ông Lê Văn T và bà Trần Thị T vi phạm nghĩa vụ thanh toán nêu trên thì Ngân hàng TMCP Q có quyền yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự huyện T xử lý tài sản đảm bảo là: Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa số 123(2), tờ bản đồ 04, diện tích 311.0m^2 có địa chỉ: Thôn P, xã T, huyện T, Thành phố H. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH 673671 do Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố H cấp ngày 15/8/2017 mang tên ông Lê Văn T và bà Trần Thị T. Hợp đồng thế chấp số công chứng 3644 quyển số 03/2021/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 13/5/2021 tại Văn phòng công chứng Hà Đông - Thành phố H, để thu hồi nợ.

Trường hợp sau khi phát mại toàn bộ tài sản thế chấp mà vẫn không thanh toán được hết nợ thì ông Lê Văn T và bà Trần Thị T phải có nghĩa vụ tiếp tục thanh toán nốt khoản nợ gốc và lãi phát sinh.

2.3. Về án phí:

- Ông Lê Văn T và bà Trần Thị T phải nộp 28.550.000 đồng *(Hai tám triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng)* tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Trả lại Ngân hàng TMCP Q số tiền tạm ứng án phí đã nộp 26.030.000 đồng tại biên lai thu số AA/2020/23325 ngày 16/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T - Thành phố H.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền

thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự./.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:
- TAND thành phố Hà Nội.
- VKSND thành phố Hà Nội.
- VKSND huuyện T.
- Chi cục THA huyện T.
- Đương sự.
- Lưu.

Phạm Trung Hòa